

Bản án số: 1606/2023/DS-ST
Ngày: 24/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đăng Vạn
- Ông Cao Quốc Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1020/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1403/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1916/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Châu Bích Nh, sinh năm 1994; địa chỉ: quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 17/4/2023)

2. *Bị đơn:* Ông Dương Xuân Chí H, sinh năm 1975; địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng) có bà Châu Bích Nh đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 27/03/2019, ông Dương Xuân Chí H nộp đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Ngày 28/03/2019 Ngân hàng ký với ông Dương Xuân Chí H theo đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản, với nội dung: Thẻ tín dụng Vib Happy Drive; số tài khoản: 000000000201663; số thẻ:

5138920000125354; hạn mức 50.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân; thời hạn sử dụng: từ ngày 16/04/2019 đến ngày 30/04/2024; lãi suất từ ngày 11/08/2021 đến ngày 10/07/2022 là 34%/năm và từ ngày 11/07/2022 đến ngày 30/04/2024 là 35,5%/năm; phí chậm thanh toán 4%/số tiền chậm thanh toán (tối thiểu 200.000 VNĐ, tối đa 2.000.000 VNĐ). Áp dụng trên toàn bộ dư nợ cuối kỳ chưa thanh toán theo thông báo của Bảng sao kê Thẻ tín dụng hàng tháng; phí vượt hạn mức 4%/số tiền vượt hạn mức hàng tháng (tối thiểu 50.000 VNĐ).

Quá trình sử dụng thẻ, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.609.801.397 đồng, ông H đã thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng là 1.559.053.000 đồng. Số tiền ông H còn nợ là 116.251.045 đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 09/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông H. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ vào ngày 01/11/2021 là 50.748.397 đồng làm nợ gốc. Ngày 30/01/2023, Ngân hàng trích lập dự phòng (không phát sinh thêm phí, lãi kể từ sau ngày trích lập dự phòng) đối với khoản nợ của ông H. Ông H còn nợ Ngân hàng 116.251.045 đồng, trong đó, nợ gốc là 50.748.397 đồng, nợ lãi và phí tính đến ngày 30/01/2023 là 65.502.648 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ là 116.251.045 đồng.

Bị đơn ông Dương Xuân Chí H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng quy định của pháp luật. Việc cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa: Dương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu ông Dương Xuân Chí H trả số tiền vay. Bị đơn ông H cư trú tại thành phố Thủ Đức. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Dương Xuân Chí H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Căn cứ đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/03/2019 và bảng sao kê chi tiết giao dịch tài khoản thẻ tín dụng do nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng cho ông H; lãi suất từ ngày 11/08/2021 đến ngày 10/07/2022 là 34%/năm và từ ngày 11/07/2022 đến ngày 30/04/2024 là 35,5%/năm; phí chậm thanh toán 4%/số tiền chậm thanh toán (tối thiểu 200.000 VNĐ, tối đa 2.000.000 VNĐ). Áp dụng trên toàn bộ dư nợ cuối kỳ chưa thanh toán theo thông báo của Bảng sao kê Thẻ tín dụng hàng tháng; phí vượt hạn mức 4%/số tiền vượt hạn mức hàng tháng (tối thiểu 50.000 VNĐ). Ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.609.801.397 đồng, ông H đã thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng 1.559.053.000 đồng. Số tiền ông H còn nợ là 116.251.045 đồng, trong đó, nợ gốc là 50.748.397 đồng, nợ lãi và phí tính đến ngày 30/01/2023 là 65.502.648 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông H phải trả cho Ngân hàng nợ gốc là 50.748.397 đồng, nợ lãi và phí là 65.502.648 đồng.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $116.251.045 \times 5\% = 5.812.552$ đồng.

[8] Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q 2.211.746 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0006708 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Ông Dương Xuân Chí H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền nợ gốc là 50.748.397 (năm mươi triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn ba

trăm chín mươi bảy) đồng, nợ lãi và phí là 65.502.648 (sáu mươi lăm triệu năm trăm lẻ hai ngàn sáu trăm bốn mươi tám) đồng, tổng cộng là 116.251.045 (một trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi một ngàn không trăm bốn mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Xuân Chí H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.812.552 (năm triệu tám trăm mười hai ngàn năm trăm năm mươi hai) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q 2.211.746 (hai triệu hai trăm mười một ngàn bảy trăm bốn mươi sáu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0006708 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường

